TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2018/DS-ST
Ngày 14-3-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên.

Ông Trần Ngọc Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2017/TLST-DS ngày 06/11/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-DS ngày 11/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-DS ngày 08/02/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Anh C, sinh năm 1978
Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trần Hồng N, sinh năm 1970
Anh Trần Hiền L, sinh năm 1970.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Vào ngày 12 tháng 11 năm 2016 chị N và anh L có nợ anh C tiền mua thức ăn cho heo với số tiền 7.933.000 đồng. Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án chị N và anh L đã trả được 5.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền 2.933.000 đồng.

Nay tại phiên tòa anh C có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị N và

anh L trả số tiền 2.933.000 đồng.

- Lời trình bày của bị đơn Trần Hồng N có tại hồ sơ, thể hiện:

Chị N và anh L có nợ tiền mua thức ăn cho heo của anh C với số tiền là 7.933.000 đồng, hiện nay đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 2.933.000 đồng theo như anh C trình bày là đúng.

Chị N đồng ý trả cho anh C số tiền 2.933.000 đồng. Đồng thời chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị N.

- Đối với bị đơn Trần Hiền L: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng anh L đều vắng mặt không rõ lý do.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện:* Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị bị đơn xâm hại, nên khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về pháp luật áp dụng*: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước ngày 01/01/2017 và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp với Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập anh L hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng anh L đều vắng mặt không rõ lý do, đối với chị N có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[4] *Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền mua thức ăn cho heo chưa thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "tranh chấp hợp đồng đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] *Về thẩm quyền toà án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp giữa các đương sự là việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] *Về nội dung tranh chấp:* Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thì giữa các đương sự có hợp đồng mua bán tài sản với nhau. Anh C là bên bán, chị N và anh L là bên mua, trong quá trình mua bán tài sản là thức ăn cho heo thì chị N và anh L chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 2.933.000 đồng.

+ *Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:* Anh C yêu cầu chị N và anh L thanh toán số tiền là 2.933.000 đồng, chị N cũng đồng trả số tiền theo yêu cầu của anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh L hiện nay chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 2.933.000 đồng cho anh C là đúng, do đó cần buộc chị N và anh L trả cho anh C số tiền 2.933.000 đồng là phù hợp với Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

[7] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Anh C. Buộc bị đơn Trần Hồng N và Trần Hiền L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Trương Anh C số tiền **2.933.000** đồng *(hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).*

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án mà chị N và anh L chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng chị N và anh L còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Chị N và anh L phải nộp là 300.000 đồng. Anh C đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007466 ngày 06/11/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung